

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2022/DS-PT
Ngày 29/9/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương T Hằng

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyền

Ông Hà Chí Quốc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Minh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc “**Tranh chấp hợp đồng góp hụi**”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 260/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; có mặt.

Cư trú tại: tổ 10, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** Bà Trần Kim T, sinh năm 1975; vắng mặt.

Ông Hà Trọng T1, sinh năm 1979; vắng mặt.

HKTT: tổ 2, ấp Tân Đông 1, xã Tân Lập, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Cư trú tại: tổ 8, ấp T, ấp T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Trần Kim T và ông Hà Trọng T1 có tham gia góp 01 phần hui trong dây hui 20.000.000 đồng khai ngày 24/4/2020 âm lịch do bà làm chủ hui, gồm 11 hui viên. Bà T, ông T1 là người hót hui đầu tiên, trừ tiền còn 10.000.000 đồng, bà T hót được 175.000.000 đồng + 25.000.000 đồng tiền hót hui lỗ (bà T phải chịu), tổng cộng 200.000.000 đồng. Bà T có chốt nợ với bà số tiền 200.000.000 đồng và làm giấy nợ ngày 23/6/2020 dương lịch. Bà T hẹn mỗi tháng đóng cho bà số tiền hui chết 20.000.000 đồng trong vòng 10 tháng nhưng kể từ khi hót hui, bà T không đóng cho bà số tiền nào. Ngoài số tiền 200.000.000 đồng của giấy nợ ngày 23/6/2020 dương lịch thì bà T, ông T1 không còn nợ bà số tiền nào khác.

Nay bà yêu cầu bà T, ông T1 trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 23/6/2020 dương lịch cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Bà Trần Kim T và ông Hà Trọng T1 trình bày:

Ngày 23/6/2020 dương lịch Bà Trần Kim T có viết giấy nợ 200.000.000 đồng với Bà Nguyễn Thị L, có ký tên, lấn tay của bà T. Bà T mượn tiền của bà L đã lâu, lãi suất 20%/1.000.000 đồng, mục đích mượn tiền để làm ăn buôn bán. Khi nào buôn bán được thì bà T trả tiền gốc và lãi cho bà L đầy đủ, lúc buôn bán không được thì nợ lại. Thỉnh thoảng thì bà T, bà L ngồi chốt lại số tiền nợ thành 01 giấy nợ nên giấy nợ ngày 23/6/2020 thực tế bà L không có đưa tiền cho bà T 01 lần số tiền 200.000.000 đồng. Đây là giấy nợ tiền gốc và lãi trước đó bà T mượn. Trong giấy nợ này, có 05 điểm không phải chữ của bà T ghi, cụ thể như sau:

Thứ nhất: chữ “nợ hui” của trang thứ 1 hàng thứ 3 từ trên xuống của giấy vay; thứ 2: chữ “tự nguyện” của trang thứ 1 hàng thứ 4 từ dưới lên của giấy vay; thứ 3: chữ “nợ hui” của trang thứ 2 hàng thứ 1 từ trên xuống của giấy vay; thứ 4: chữ “một tháng trả 20.000.000 đồng 10 tháng” của trang thứ 2 hàng thứ 4 từ dưới lên của giấy vay; thứ 5: chữ “đã nhận đủ tiền” của trang thứ 3 hàng đầu tiên từ dưới lên của giấy vay. Ông bà không yêu cầu giám định 05 điểm này vì ông bà đã chốt tất cả các khoản nợ với bà L tại giấy nợ ngày 07/7/2020 dương lịch.

Ngày 28/10/2020 bà L đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền 300.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 07/7/2020 dương lịch. Giấy nợ ngày 07/7/2020 dương lịch đã chốt lại tất cả các khoản nợ của ông bà nợ bà L, yêu cầu bà L đưa các giấy nợ trước đó nhưng bà L nói bà L đã hủy, do tin tưởng nên ông bà về. Tại biên bản hòa giải ngày 25/02/2021, bà L đã thừa nhận “ngoài ra T, T1 không còn nợ bà số tiền nào khác”. Do đó, ông bà đã đồng ý trả theo quyết định công nhận thỏa thuận số 17 ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B. Theo quyết định ông bà trả cho bà L số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng. Do đó, ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Bà Trần Kim T và Ông Hà Trọng T1 trả số tiền nợ hui 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và tiền lãi theo giấy nợ ngày 23/6/2020 dương lịch.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2022 nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T1, chị T trả số tiền hui 200.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày 24/4/2021 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Bà Trần Kim T và Ông Hà Trọng T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L thấy rằng:

Bà L yêu cầu bà T, ông T1 trả số tiền nợ hui 200.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 23/6/2020 dương lịch. Bà L cung cấp 01 danh sách hui và 01 giấy nợ ngày 23/6/2020 dương lịch. Trong danh sách hui thể hiện có 11 hui viên, bà T là người hót hui đầu tiên. Sau khi hót hui xong, bà T chốt nợ với bà số tiền 200.000.000 đồng và làm giấy nợ ngày 23/6/2020 dương lịch. Kể từ khi hót hui, bà T không đóng được cho bà số tiền hui nào.

Bà T thừa nhận giấy nợ ngày 23/6/2020 dương lịch do bà T viết, ký tên và lẫn tay. Tuy nhiên, trong giấy nợ này bà T, ông T1 không đồng ý vì có sự ghi thêm 05 điểm. Do số tiền 200.000.000 đồng đã được chốt tại giấy nợ ngày 07/7/2020 dương lịch. Ngày 22/10/2020 bà L làm đơn khởi kiện bà T ông T1 yêu cầu trả số tiền 300.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 07/7/2020. Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành thụ lý vụ án số 386/2020/TLST-DS ngày 28/10/2020. Trong quá trình

giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 25/02/2021 bà L trình bày: “.... Ngoài ra T, T1 không còn nợ bà số tiền nào khác”. Bà T ông T1 đã đồng ý trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2021/QĐST-DS ngày 05/3/2021. Do đó, bà T, ông T1 không đồng ý trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy nợ ngày 23/6/2020 đương lịch.

[3] Đối với giấy nợ ngày 23/6/2020 đương lịch có ghi: “Hợp đồng, vay tài sản, nợ hụi” có nội dung như sau: “Tôi Trần Kim T,....chồng tôi: Hà Trọng T11....hôm nay hai vợ chồng tôi có tự nguyện nhờ chị Nguyễn Thị Lan vay với số nợ là 200.000.000 đồng nợ hụi Hai trăm triệu đồng, để làm vốn buôn bán quần áo và chuột xe...”. Bà T không T1hống nhất 05 điểm trong đó có điểm ghi cụm từ “tự nguyện” và 02 cụm từ “nợ hụi” nhưng bà L, bà T và ông T1 cũng không yêu cầu giám định.

Bà L cho rằng đây là giấy nợ tiền hụi nhưng lại có nội dung bà T ông T1 nhờ bà L vay với số tiền 200.000.000 đồng. Bà L không cung cấp được chứng cứ bà T, ông T1 nợ tiền hụi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà T, ông T1 nợ tiền hụi bà L nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Bà Trần Kim T và Ông Hà Trọng T1 trả số tiền nợ hụi 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và tiền lãi theo giấy nợ ngày 23/6/2020 đương lịch.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số **0003542 ngày 25 tháng 10 năm 2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Bà L còn phải nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm dân sự: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà L đã nộp theo biên lai thu số 0003986 ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà L đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương T Hằng